



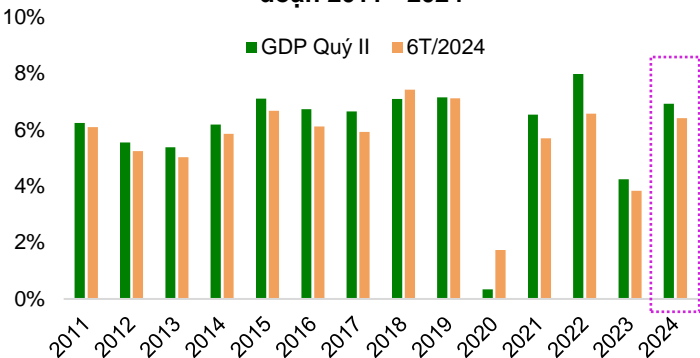
CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ QUÝ 2 VÀ 6 THÁNG NĂM 2024

Nhiều điểm sáng hỗ trợ thị trường chứng khoán

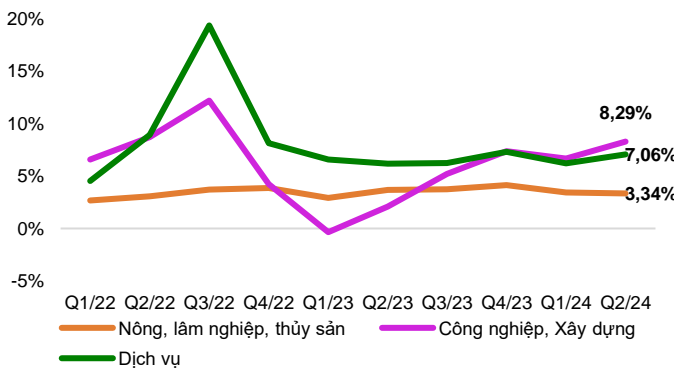
Số liệu kinh tế, xã hội Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2024 đã được công bố với nhiều điểm nhấn đáng chú ý, Agriseco Research kính gửi Quý khách hàng nội dung chính và hàm ý đầu tư như sau:

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

GDP Quý II và 6 tháng đầu năm các năm giai đoạn 2011 - 2024



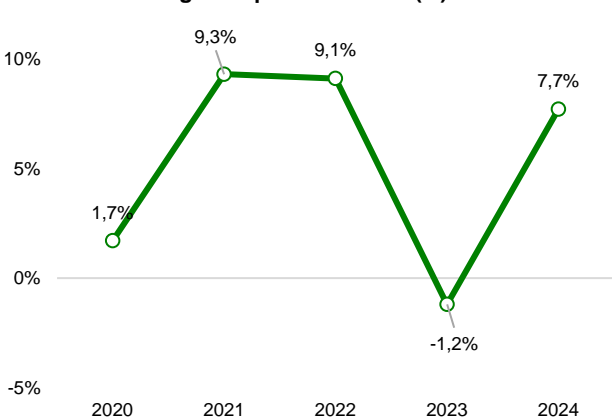
Tốc độ tăng trưởng GDP các khu vực



Nguồn: GSO, Agriseco Research

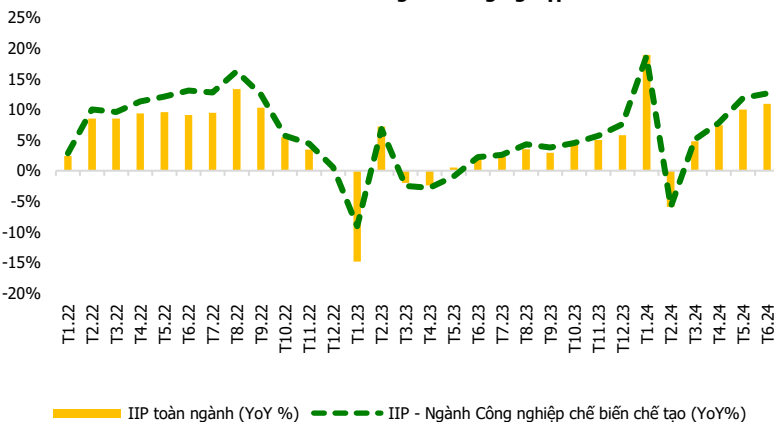
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
GDP Quý 2 và 6 tháng 2024	<ul style="list-style-type: none"> Quý 2: Tăng 6,93% svck 6 tháng 2024: Tăng 6,42% svck 	GDP Quý 2 và 6 tháng đầu năm có tốc độ tăng trưởng cao thứ hai trong giai đoạn 2020 – 2024, vượt kịch bản tăng trưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Chỉ số sản xuất toàn công nghiệp (IIP)	<ul style="list-style-type: none"> Quý 2: Tăng 9,5% svck, cao hơn mức 5,9% Quý 1 6 tháng 2024: Tăng 7,7% svck 	Chỉ số IIP quý 2 và 6 tháng đầu năm phục hồi mạnh. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,5% svck; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,01% svck; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%; ngành khai khoáng giảm 5,47% svck. Một số ngành công nghiệp tăng 2 chữ số svck như cao su, giường tủ, hóa chất, điện.

Chỉ số IIP 6 tháng đầu năm giai đoạn 2020 – 2024 (%)



Nguồn: GSO, Agriseco Research

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp IIP

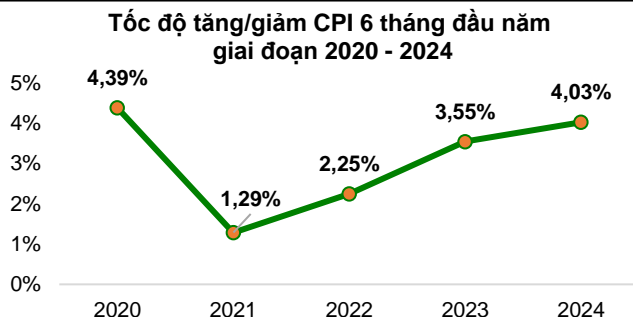
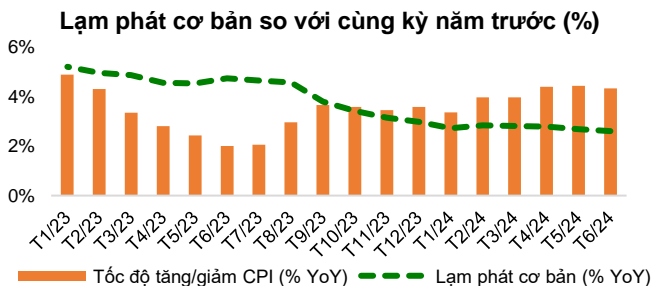


Nguồn: GSO, Agriseco Research



2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát

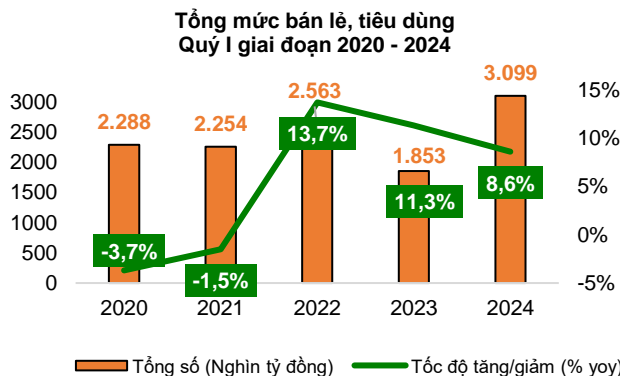
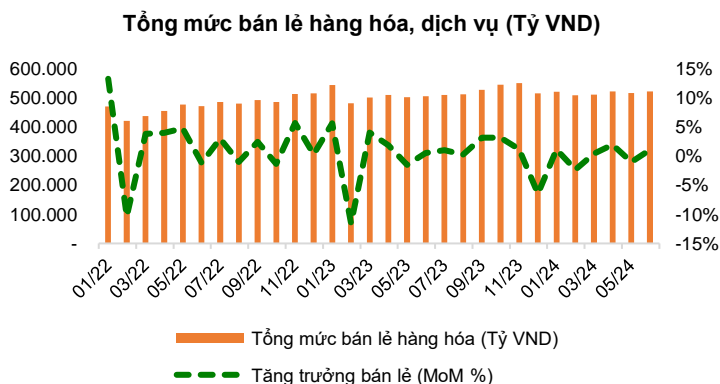
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
CPI tháng 6 và Q2	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 6: Tăng 0,17% so với tháng 5.2024 và tăng 4,34% svck 2023 Quý 2: tăng 4,39% svck 2023 	Chỉ số giá tiêu dùng trong tháng và quý tăng chủ yếu do giá thịt lợn, giá dịch vụ y tế tăng. Ngược lại, giá bưu chính viễn thông giảm.
CPI bình quân 6 tháng 2024	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 4,08% svck 2023 Lạm phát cơ bản tăng 2,75% 	Nhìn chung, lạm phát vẫn đang được kiểm soát tốt tuy nhiên một phần do sức cầu nền kinh tế thấp. Trong thời gian tới, các yếu tố có thể làm tăng lạm phát từ phía cung như (1) Tác động của xung đột chính trị quốc tế, tình hình khí hậu khiến gián đoạn chuỗi cung ứng; (2) Giá cả trong nước: giá thịt lợn, điện, nước, giáo dục, y tế điều chỉnh tăng.



Nguồn: GSO, Agriseco Research

3. Bán lẻ & Tiêu dùng

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ Quý 2.2024	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt: 1,6 triệu tỷ đồng Tăng 1% so với Q1.2024 Tăng 8,8% svck 	Tổng doanh thu bán lẻ, tiêu dùng tăng so với Quý 1.2024 và so với cùng kỳ 2023 nhờ đóng góp từ đà tăng trưởng khá của nhóm bán lẻ hàng hóa và tăng cao của ngành du lịch, lưu trú, ăn uống. Khách quốc tế đến Việt Nam trong Quý 2 đạt 4,2 triệu lượt, gấp 1,5 lần cùng kỳ 2023.
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 6 tháng 2024	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt: 3,1 triệu tỷ đồng Tăng 8,6% svck 2023 	Quy mô bán lẻ tiêu dùng tiếp tục cao hơn bình quân 2020-2023 do nhu cầu tiêu dùng hàng hóa thiết yếu, thiết bị gia đình duy trì tăng ổn định và dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống tăng cao. Lượng du khách quốc tế đạt 8,8 triệu khách, vượt thời điểm trước dịch Covid-19, trong đó Hàn Quốc và Trung Quốc có lượt khách lớn nhất với 2,3 và 1,9 triệu lượt.



Nguồn: GSO, Agriseco Research

Nguồn: GSO, Agriseco Research

4. Xuất nhập khẩu

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Xuất, nhập khẩu Quý 2	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kim ngạch XNK: 190,6 tỷ USD, tăng 7% so với Q2.24 và tăng 16% svck 2023 Xuất khẩu: 97,2 tỷ USD (+13% svck) Nhập khẩu: 93,4 tỷ USD (+20% svck) So với tháng Q1.2024: Xuất khẩu tăng 5% và Nhập khẩu tăng 10%. 	Kim ngạch xuất, nhập khẩu Quý 2 duy trì tăng trưởng so với Quý 1 và svck 2023. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng trưởng cao như: <i>điện tử, điện thoại, máy móc; gạo; gỗ; nông, lâm sản; hóa chất.</i>
Xuất, nhập khẩu 6 tháng 2024	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kim ngạch XNK: 386,53 tỷ USD, tăng 16% svck 2023 Xuất khẩu: 190,1 tỷ USD (+15 svck) Nhập khẩu: 178,5 tỷ USD (+17% svck) Xuất siêu 11,63 tỷ USD 	Tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng 2 chữ số. 6 tháng kim ngạch xuất khẩu chủ yếu đến từ khu vực kinh tế trong nước tăng 21%. Các mặt hàng xuất khẩu có giá trị tăng trưởng cao như: Nông sản, lâm sản tăng 25% svck; Công nghệ chế biến tăng 14%; Nhiên liệu và khoáng sản tăng 8%. Các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU, ASEAN phục hồi tốt.

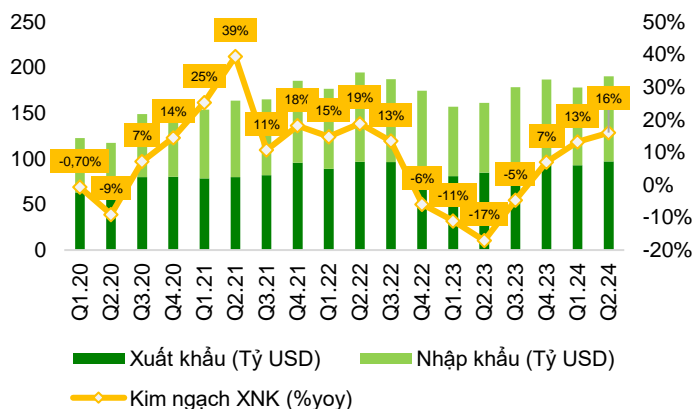
Tình hình xuất, nhập khẩu 6 tháng năm 2024



XUẤT SIÊU 11,63 TỶ USD

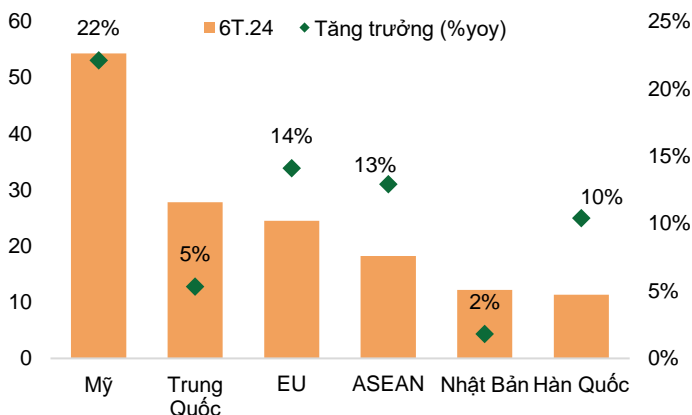
Nguồn: GSO, Agriseco Research

Tình hình xuất nhập khẩu theo quý (% yoy)



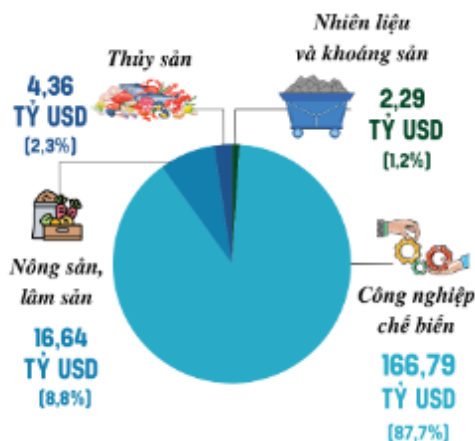
Nguồn: GSO, Agriseco Research

Tăng trưởng xuất khẩu 5 đối tác chính của Việt Nam 6T.2024 (% yoy)



Nguồn: GSO, Agriseco Research

Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa 6 tháng năm 2024



Nguồn: GSO, Agriseco Research

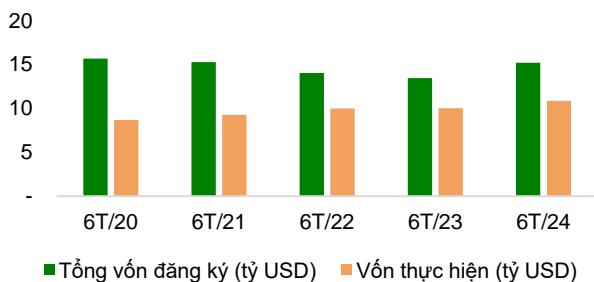
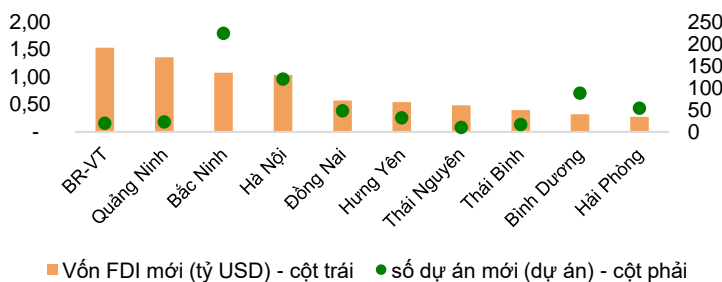
**5. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI**

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024	<ul style="list-style-type: none"> 15,19 tỷ USD Tăng 13,1% svck 	Vốn FDI đăng ký và số dự án FDI mới duy trì tăng cao lần lượt là 47% và 19% svck 2023. Vũng Tàu là tỉnh thu hút vốn FDI đăng ký mới cao nhất cả nước với 1,5 tỷ USD, gấp 12 lần cùng kỳ do có dự án nhà máy sản xuất sản phẩm sinh học của Hàn Quốc với tổng vốn đầu tư 730 triệu USD. Bắc Ninh dẫn đầu về số dự án mới chủ yếu từ các DN Trung Quốc, Hàn Quốc như nhà máy FCPV Foxconn, nhà máy bán dẫn Amkor Technology.
FDI giải ngân từ đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> 10,84 tỷ USD Tăng 8,2% svck 	Vốn FDI thực hiện đạt mức cao nhất của 6 tháng đầu năm 2024 trong 5 năm qua khi các doanh nghiệp FDI tích cực giải ngân chủ yếu ở lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (8,6 tỷ USD); kinh doanh bất động sản (1 tỷ USD); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước (0,4 tỷ USD).

Bảng: Một số dự án FDI tại Việt Nam nửa đầu năm năm 2024

STT	Dự án FDI	Tỉnh thành	Quốc gia	Vốn FDI (tỷ USD)
1	Amkor tăng thêm vốn đầu tư dự án nhà máy bán dẫn tại KCN Yên Phong 2C	Bắc Ninh	Hàn Quốc	1,07
2	HyoSung TNC đầu tư nhà máy sợi carbon	Vũng Tàu	Hàn Quốc	0,8
3	Capitaland đầu tư xây dựng KĐT Lumi Hanoi	Hà Nội	Singapore	0,76
4	Nhà Máy Sản Xuất Sản Phẩm Sinh Học Bio-Bdo	Vũng Tàu	Thổ Nhĩ Kỳ	0,73
5	Sản xuất Silic công ty Trina Solar Cell Việt Nam	Thái Nguyên	Trung Quốc	0,45
6	Dự án nhà máy FCPV Foxconn tại KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh	Bắc Ninh	Đài Loan	0,38
7	Foxconn đầu tư Dự án Hệ thống thông minh tại KCN Bắc Tiên Phong	Quảng Ninh	Đài Loan	0,29
8	Dự án sản xuất silic quang điện Gokin Solar Hải Hà Việt Nam	Quảng Ninh	Hong Kong	0,28
9	Sản xuất văn phòng phẩm công ty Deli Việt Nam	Hải Dương	Trung Quốc	0,27
10	Foxconn đầu tư dự án sản phẩm giải trí thông minh tại KCN Sông Khoai	Quảng Ninh	Đài Loan	0,26
11	Sản xuất thủy tinh công ty Biel Crystal	Hải Dương	Trung Quốc	0,26
12	Nhà Máy Electronic Tripod Việt Nam	Vũng Tàu	Đài Loan	0,25
13	Tập đoàn Crystal dự kiến mở rộng đầu tư nhà máy thứ 6	Hải Dương	Trung Quốc	0,20
15	Dự án SLP Park Lộc An Bình Sơn trong lĩnh vực logistics	Đồng Nai	Singapore	0,12
16	Sản xuất cà phê của Nestlé Việt Nam-Nhà máy Trị An mở rộng	Đồng Nai	Thụy Sĩ	0,10
17	Sản xuất tấm năng lượng mặt trời Boviet (Boway)	Hải Dương	Trung Quốc	0,12
18	Dự án sản xuất vòng bi, thiết bị chuyển động của IKO Thompson	Quảng Ninh	Nhật Bản	0,06

Nguồn: Số liệu cập nhật đến tháng 6.2024, Agriseco Research tổng hợp

Vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6 các năm 2020-2024**Top 10 địa phương thu hút FDI đăng ký mới cao nhất cả nước tính đến ngày 20/6/2024**

Nguồn: MPI, Agriseco Research tổng hợp

6. Thu chi ngân sách nhà nước và Đầu tư công

a. Thu chi ngân sách nhà nước

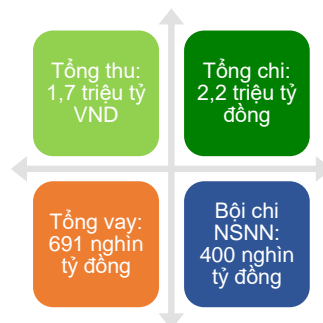
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Cán cân ngân sách tháng 6	<ul style="list-style-type: none"> Thu: 105,1 nghìn tỷ VND Chi: 151,6 nghìn tỷ VND Thâm hụt: 46,5 nghìn tỷ VND 	Thu ngân sách giảm so với tháng 5 năm 2024, chủ yếu từ các nguồn thu nội địa, chiếm tỷ trọng khoảng 80% với giá trị 83,1 nghìn tỷ đồng.
Cán cân ngân sách 6 tháng 2024	<ul style="list-style-type: none"> Thu: 1.020,6 nghìn tỷ VND, bằng 60% dự toán năm, tăng 15,7% svck Chi: 803,6 nghìn tỷ VND, bằng 37,9% dự toán năm, giảm 0,1% svck Thặng dư: 217 nghìn tỷ VND 	Tiến độ thu ngân sách đang bám sát dự toán năm, trong khi đó tiến độ chi ngân sách đang ở mức thấp.

Thu, chi ngân sách Nhà nước tháng 6 tháng đầu năm 2024

Dự toán ngân sách nhà nước 2024



Nguồn: GSO, AGR Research

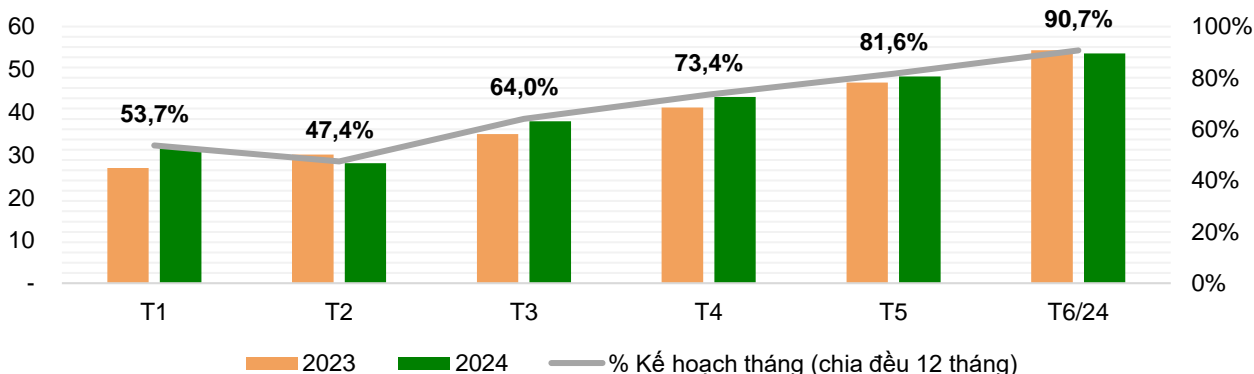


Nguồn: NQ104/2023/QH15 của Quốc hội

b. Đầu tư công

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Giải ngân đầu tư công	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 6: 53,7 nghìn tỷ đồng (+11% so với tháng 5) Quý 2: 145,5 nghìn tỷ đồng (+2,5% svck) 6 tháng đầu năm 2024: 244,4 nghìn tỷ đồng, bằng 34% kế hoạch năm, tăng 3,5% svck (6T.2023 đạt 32,2% KH năm và tăng 22,5% svck) 	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nửa đầu năm thấp chủ yếu do giải ngân vốn ngân sách địa phương thấp. Việc giải ngân vẫn tồn tại một số vướng mắc về giải phóng mặt bằng, cơ chế chính sách, biến động giá nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân. Kỳ vọng giải ngân đầu tư công sẽ được thúc đẩy nửa cuối năm tại các dự án trọng điểm.

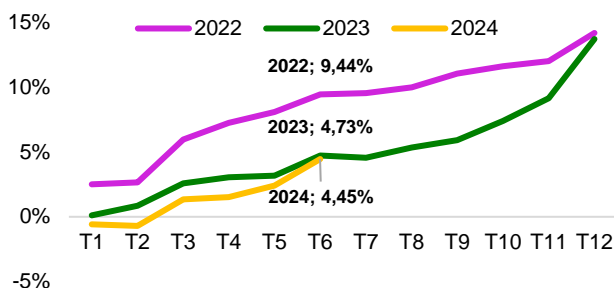
Giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước theo tháng (Đv: nghìn tỷ vnd)



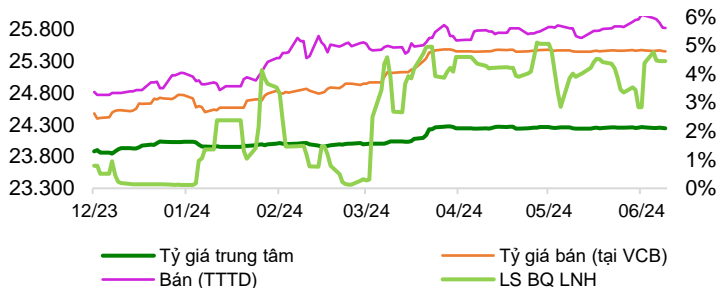
Nguồn: Bộ Tài chính, GSO, Agriseco Research

7. Lãi suất, tỷ giá

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> Đến 24/06/2024: tăng 4,45% so với cuối năm 2023 	Tăng trưởng tín dụng có sự gia tăng trong quý 2 nhưng không đồng đều do nhu cầu và sức hấp thụ vốn của một số lĩnh vực sản xuất thấp. Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng sẽ gia tăng trong nửa cuối năm 2024 khi kinh tế dần phục hồi, thị trường bất động sản ấm dần lên, mặt bằng lãi suất duy trì thấp.
- Tỷ giá - Lãi suất liên ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ giá tăng 4,3% so với đầu năm Lãi suất LNH: 2,84% - 4,76% 	Tỷ giá tiếp tục chịu áp lực tăng khi chênh lệch lãi suất giữa đồng VND và USD vẫn cao. Áp lực tỷ giá dự báo vẫn hiện hữu khi FED tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất cao. Tính đến cuối tháng 6, nhiều NHTM đã tăng lãi suất huy động từ 0,3-0,5% so với cuối tháng 3. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất dự kiến vẫn duy trì thấp so với cuối năm 2023.

Tăng trưởng tín dụng hàng năm


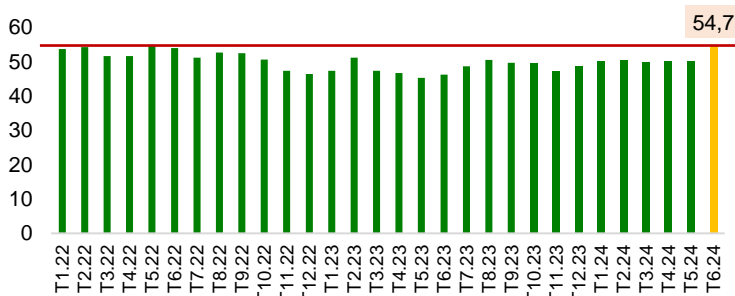
Nguồn: Fiinpro, Agirseco Research

Tỷ giá USD/VND và lãi suất liên ngân hàng


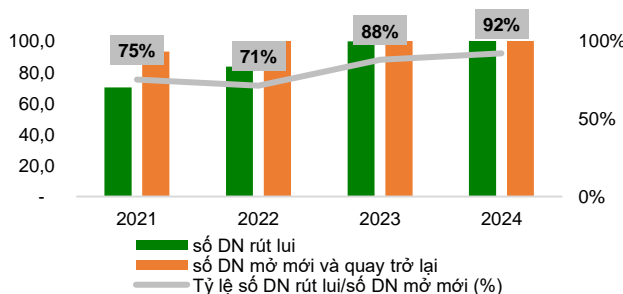
Nguồn: Fiinpro, Agirseco Research

8. Chỉ số PMI, Tình hình hoạt động doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Chỉ số PMI tháng 6	<ul style="list-style-type: none"> PMI tháng 6 đạt 54,7 điểm Cao hơn so với mức 50,3 điểm tháng 5.2024 	Chỉ số PMI tăng lên cao nhất kể từ tháng 5.2022 nhờ số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng tăng mạnh. Kỳ vọng ngành sản xuất sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi nhờ nhu cầu trong và ngoài nước cải thiện. Tuy nhiên việc chi phí đầu vào tăng sẽ làm tăng giá bán đầu ra có thể ảnh hưởng giảm nhu cầu trong tương lai.
Tình hình DN 6 tháng 2024	<ul style="list-style-type: none"> DN đăng ký mới và quay trở lại: 119,6 nghìn DN (+5,3 svck) DN rút lui: 110,3 nghìn DN (+18,4% svck) 	Tỷ lệ số DN rút lui bằng 92% số DN đăng ký mới và quay trở lại. Tỷ lệ này nhìn chung vẫn cao hơn so với mức 75% năm 2021, 71% năm 2022, và 88% năm 2023. Mặc dù H&KD của các DN còn khó khăn, tập trung ở DN vừa và nhỏ, tín hiệu tích cực là trong Quý 2 số DN đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động đã cao hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 9.300 doanh nghiệp, so với mức âm 14.000 doanh nghiệp trong Quý 1.2024.

Chỉ số PMI


Nguồn: GSO, IHS Markit, Agirseco Research

Tình hình hoạt động DN 6T.2024


Nguồn: GSO, Agirseco Research

**KẾT LUẬN:****Đánh giá chung:**

- Tăng trưởng kinh tế Quý 2 và 6 tháng đầu năm tăng vượt dự báo của các tổ chức lớn với động lực từ khối FDI và sự khởi sắc của khối kinh tế tư nhân. Kim ngạch xuất nhập khẩu duy trì tăng trưởng hai chữ số, thặng dư thương mại tốt, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Ngành sản xuất sôi động với PMI tăng lên gần 55 điểm, các lĩnh vực dịch vụ, du lịch phục hồi mạnh. Với các tín hiệu khởi sắc trên, Agriseco Research dự báo tăng trưởng GDP cả năm có thể hoàn thành vượt mục tiêu 6%-6,5% của Chính phủ đề ra từ đầu năm.
- Các yếu tố khó khăn, rủi ro cần lưu ý như xung đột chính trị thế giới gay gắt làm suy yếu hệ thống thương mại đa phương, lạm phát tại Việt Nam đang gặp áp lực tăng trong bối cảnh tỷ giá diễn biến phức tạp, tổng cầu phục hồi chậm. Những yếu tố này làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về sức bật của nền kinh tế và thị trường chứng khoán trong nửa cuối năm 2024.

Các cơ hội đầu tư đối với thị trường chứng khoán:

- Số liệu tăng trưởng kinh tế tiếp tục xu hướng tích cực, quý sau tốt hơn quý trước tạo cơ sở kỳ vọng kết quả kinh doanh các doanh nghiệp trên sàn phục hồi trong Quý 2 và tạo đà tăng trưởng các quý tiếp theo, mở ra nhiều cơ hội đầu tư trên TTCK. Môi trường lãi suất duy trì ở mức thấp so với bình quân năm 2023 sẽ giúp giảm chi phí tài chính của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tín dụng đã tăng tốc cuối quý 2 và chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng 15% trong năm 2024 (cao hơn chỉ tiêu 2023: 14%) sẽ tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp gia tăng quy mô, doanh thu hoạt động.
- Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực có tình hình sản xuất tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm như thép, cao su, gỗ, dệt may, hóa chất... được kỳ vọng giúp các doanh nghiệp trong ngành có KQKD tăng trưởng cao trong nửa cuối năm 2024, đặc biệt so với mức nền thấp cùng kỳ 2023.
- Vốn FDI đầu tư vào Việt Nam đang tăng trưởng tốt trước xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng, là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2024. Nhiều tập đoàn công nghệ lớn đang xúc tiến hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực bán dẫn, chip, năng lượng tái tạo. Điều này kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp Công nghệ - Viễn thông và Bất động sản Khu công nghiệp hưởng lợi. Đồng thời nhóm Khu công nghiệp cũng được hưởng lợi gián tiếp từ các dự án đầu tư công đang triển khai liên quan đường xá, hạ tầng.
- Hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục phục hồi mạnh với tổng kim ngạch XNK tăng 16% so với cùng kỳ 2023 kỳ vọng sẽ giúp các nhóm xuất khẩu ghi nhận KQKD tốt như hóa chất, dệt may, thủy sản, cao su. Bên cạnh đó, các ngành liên quan như logistics, cảng biển cũng được hưởng lợi từ xu hướng này.
- Lượng khách du lịch quốc tế duy trì đà tăng cao nhất từ tháng 1.2020 và đã vượt thời điểm trước đại dịch nhờ các giải pháp kích cầu du lịch của Chính phủ, có thể tạo sự khởi sắc đối với KQKD cũng như diễn biến giá cổ phiếu của nhóm doanh nghiệp hàng không, dịch vụ.
- Một số chính sách/văn bản/ng nghị định kỳ vọng hỗ trợ thị trường và doanh nghiệp nửa cuối năm bao gồm: *Luật Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh Bất động sản; Chính sách tăng lương cơ sở 30%; Chính sách giảm thuế VAT xuống 8%; Các chính sách giảm các khoản thuế phí để hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng; Quy hoạch điện 8 và chính sách mua bán điện năng lượng tái tạo trực tiếp.* Các chính sách mới có hiệu lực từ nửa cuối năm kỳ vọng giúp phục hồi sức cầu nền kinh tế cũng như phục hồi thị trường bất động sản, qua đó tạo hiệu ứng tâm lý tích cực đến thị trường chung.

Các yếu tố rủi ro cần lưu ý:

- Tình hình vĩ mô quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, FED duy trì mặt bằng lãi suất cao, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt, rủi ro an toàn chuỗi cung ứng hàng hóa và triển vọng tăng trưởng kém tích cực của các nền kinh tế lớn.
- Tỷ giá tiếp tục là rủi ro cần lưu ý khi đã tăng 4,3% từ đầu năm do chênh lệch lãi suất giữa đồng USD và VND vẫn lớn. Thị trường có thể tiếp tục gặp áp lực bán ròng từ khối ngoại giai đoạn tới sau khi khối này đã bán ròng hơn 3 tỷ USD trong 1 năm qua. Những yếu tố này sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.



CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI



SẢN PHẨM VAY MARGIN T+10

- ✓ Lãi suất margin ưu đãi **8,9%/năm**;
- ✓ **Miễn phí** giao dịch;
- ✓ Hạn mức dư nợ **500 tỷ đồng**;
- ✓ Đối tượng áp dụng: Tất cả Khách hàng đang sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán và có đăng ký với Agriseco



GÓI CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DÀNH RIÊNG CHO CBNV VÀ KH CỦA AGRIBANK

- Đối với CBNV của Agribank đã có tài khoản hoặc mở mới tài khoản tại Agriseco:
 - ✓ Phí giao dịch **0,1%**;
 - ✓ Lãi suất margin ưu đãi **9-10%/năm**;
- Đối với Khách hàng có tài khoản tại Agribank mở mới tài khoản tại Agriseco:
 - ✓ Phí giao dịch **0,1%**;
 - ✓ Lãi suất margin ưu đãi **10%/năm**;



Quét mã và trải nghiệm App AGR MOBI PRO ngay tại:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 tòa nhà Green Diamond, 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tel: (+84 24) 6276 2666

Email: online@Agriseco.com.vn

Web: <https://Agriseco.com.vn/>

CHI NHÁNH MIỀN NAM

179A Nguyễn Công Trứ (2A Phó Đức Chính), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (+84 28) 3914 2111

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Tòa nhà Agribank, số 228 đường 2/9, P. Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng

Tel: (+84 23) 6367 1666

HƠN 220 ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CÁC CHI NHÁNH AGRIBANK TRÊN TOÀN QUỐC

KHUYẾN CÁO

Bản tin này (gồm các thông tin, ý kiến, nhận định và khuyến nghị nêu trong bản tin) được thực hiện/gửi với mong muốn cung cấp cho nhà đầu tư thêm các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán. Thông tin nêu trong bản tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo các thông tin nêu trong bản tin này là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Bản tin này được thực hiện/gửi bởi chuyên viên và không đại diện/nhân danh Agriseco. Agriseco không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

